

ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ YẾU TỐ NGUY CƠ LÂY NHIỄM COVID-19 Ở NHÂN VIÊN Y TẾ VÀ NHÂN VIÊN THAM GIA PHÒNG CHỐNG DỊCH TRONG ĐIỀU TRỊ VÀ CHĂM SÓC BỆNH NHÂN COVID-19 NĂM 2021

Nguyễn Đình Trung¹, Đặng Xuân Kết¹, Lê Minh Hạnh¹,
Lại Thị Minh Hằng¹, Đào Thị Kim Phương¹,
Mai Tuấn Linh¹, Nguyễn Minh Hoàng¹, Nguyễn Thị Loan²

TÓM TẮT

Mục tiêu, đối tượng và phương pháp: Nghiên cứu được thực hiện bằng phỏng vấn 632 nhân viên y tế (NVYT) và nhân viên khác tham gia trong công tác phòng chống dịch gồm: quân nhân, công an, đối tượng khác làm việc tại các cơ sở y tế/khu cách ly ở Bắc Giang, sân bay Nội Bài/Bệnh viện nhiệt đới tại Hà Nội và các tỉnh thành khác phía Nam. **Kết quả:** Tỷ lệ tiếp xúc với bệnh nhân COVID-19 ở đối tượng NVYT (51,9%) cao hơn so với đối tượng khác (7,1%). NVYT thực hiện một số công việc có nguy cơ lây nhiễm cao từ bệnh nhân như thực hiện tạo khí dung (10,7%); tiếp xúc với dịch tiết của bệnh nhân (24,7%); tiếp xúc với vật dụng của bệnh nhân (37,6%). Về nguy cơ lây nhiễm COVID-19 cho thấy NVYT có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm có kiến thức sai về vệ sinh tay (OR=4,69, 95%CI=1,95-11,24, p=0,0001), không được đào tạo về phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm COVID-19 (OR=2,50, 95%CI=1,07-5,82, p=0,03; nhóm NVYT và nhân viên khác tham gia trong công tác phòng chống dịch tiếp xúc với bệnh nhân trong vòng 1m có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa

thống kê (OR=3.1, 95%CI=1.57-6.16, p=0,0006).

Kết luận: Qua kết quả nghiên cứu này đã giúp nhóm tác giả đã đề xuất các nghề, công việc thường gặp và nguồn tiếp xúc đối với bệnh COVID-19 nghề nghiệp để bổ sung vào danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội.

Từ khóa: COVID-19, nhân viên y tế, nhân viên tham gia phòng chống dịch.

SUMMARY

ASSESSMENT OF SOME RISK FACTORS FOR COVID-19 INFECTION IN HEALTH WORKERS AND EMPLOYEES PARTICIPATING IN THE TREATMENT AND CARE OF COVID-19 PATIENTS IN SOME LOCALS

Purposes, Subjects and method: The study was conducted by interviewing 632 health workers and other staff involved in epidemic prevention and control, including: military personnel, police, others working at Medical facilities/Medical isolation areas in Bac Giang, Noi Bai airport/Tropical Hospital in Hanoi and other southern provinces. **Results:** The results show that: the rate of contact with COVID-19 patients in health workers (51.9%) is higher than in other subjects (7.1%). Health workers perform a number of jobs with high risk of infection from patients such as performing aerosol generation (10.7%); contact with patient secretions (24.7%); contact with patient belongings (37.6%).

¹Viện Sức khỏe nghề nghiệp và môi trường

²Trường Đại học Y Hà Nội

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Đình Trung
Email: trungbnn@gmail.com

Ngày nhận bài: 16/03/2022

Ngày phản biện khoa học: 06/04/2022

Ngày duyệt bài: 12/04/2022

Regarding the risk of COVID-19 infection, it was found that health workers had a statistically significant higher risk of disease in the group with wrong knowledge about hand hygiene (OR=4.69, 95%CI=1.95-11, 24, p=0,0001), with no training in COVID-19 infection prevention and control (OR=2.50, 95%CI=1.07-5.82, p=0.03; health worker and other staff involved in epidemic prevention and control who were in contact with patients within 1m had a statistically significant higher risk of disease (OR=3.1, 95%CI=1.57-6.16, p=0,0006).

Conclusions: Through the results of this study, the authors have suggested the common occupations, jobs and sources of exposure to COVID-19 to add to the list of occupational diseases entitled to social insurance.

Keywords: COVID-19, Healthcare worker, staff participating in epidemic prevention

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tháng 12 năm 2019, một chủng vi rút corona mới (SARS-CoV-2) đã được xác định là căn nguyên gây dịch Viêm đường hô hấp cấp tính (COVID-19) bắt đầu từ thành phố Vũ Hán (tỉnh Hồ Bắc, Trung Quốc), sau đó lan rộng ra toàn thế giới [1]. Ngày 30 tháng 1 năm 2020, Tổ chức Y tế Thế giới đã tuyên bố dịch viêm phổi do vi rút corona mới là một tình huống khẩn cấp y tế toàn cầu sau đó ngày 11 tháng 3 năm 2020 đã tuyên bố là một đại dịch toàn cầu [2]. Vi rút SARS-CoV-2 chủ yếu lây trực tiếp từ người sang người qua đường hô hấp (như qua giọt bắn, hạt khí dung, không khí) và qua đường tiếp xúc. Vi rút cũng có khả năng lây truyền cao tại các cơ sở y tế, những nơi đông người và ở không gian kín. Bên cạnh đó, vi rút cũng liên tục biến đổi tạo ra nhiều biến thể khác nhau trên toàn thế giới làm cho khả năng lây lan mạnh hơn và khó kiểm soát hơn. Người bệnh

COVID-19 có biểu hiện lâm sàng đa dạng: từ nhiễm không có triệu chứng, tới những biểu hiện bệnh lý nặng như viêm phổi nặng, suy hô hấp cấp (ARDS), sốc nhiễm trùng, suy chức năng đa cơ quan và tử vong, đặc biệt ở những người cao tuổi, người có bệnh mạn tính hay suy giảm miễn dịch hoặc có đồng nhiễm hay bội nhiễm các căn nguyên khác [3]. Tính đến tháng 8 thế giới đã trải qua 4 làn sóng dịch với nhiều loại biến thể của vi rút càng làm nó tăng nguy cơ lây bệnh. Dịch COVID-19 đã cướp đi rất nhiều sinh mạng con người và gây ra biết bao hệ lụy trong xã hội, kinh tế suy giảm, thất nghiệp, đói nghèo, bất ổn xã hội... Phòng chống COVID-19 là nhiệm vụ cấp bách trên toàn thế giới. Bên cạnh nhân viên y tế tham gia chống dịch còn được huy động bởi các nguồn lực khác như quân đội, công an, học sinh, sinh viên, nhân viên vệ sinh môi trường ... tham gia trong lĩnh vực kiểm dịch y tế, hỗ trợ công tác thu dung, vận chuyển bệnh nhân, làm việc tại khu cách ly, điều trị cho bệnh nhân nhiễm... có nguy cơ cao phơi nhiễm với SARS-CoV-2 và có rất nhiều người trong số họ đã được xác định là nhiễm COVID-19.

Để có thêm căn cứ khoa học cho việc đưa bệnh COVID-19 bổ sung vào danh mục bệnh nghề nghiệp được hưởng bảo hiểm xã hội chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu này với mục tiêu “Đánh giá một số yếu tố nguy cơ lây nhiễm đối với NVYT và nhân viên tham gia phòng chống dịch trong điều trị và chăm sóc bệnh nhân COVID-19”.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu: NVYT, nhân viên phục vụ chăm sóc y tế, đối tượng là nhân viên làm việc trong khu cách ly.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu: từ tháng 06/2021 đến tháng 12/2021 tại các

cơ sở y tế và các cơ sở dịch vụ khác liên quan đến cách ly y tế, vận chuyển người bệnh trên các tỉnh Hà Nội, Bắc Giang và một số tỉnh phía Nam.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: mô tả cắt ngang

2.4. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Thực tế chúng tôi đã tiến hành tổng hợp số liệu dựa trên kết quả phỏng vấn bằng bộ câu hỏi của 632 NVYT và nhân viên tham gia phòng chống dịch tại các tỉnh thành: Hà Nội, Bắc Giang và một số tỉnh phía Nam.

2.5. Biến số chỉ số chính: đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu, kiến thức về các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm COVID-19, thái độ về phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn của đối tượng nghiên cứu, nguy cơ lây nhiễm COVID-19.

2.6. Phương pháp thu thập số liệu: phỏng vấn bằng bộ câu hỏi

2.7. Phân tích số liệu: phân tích số liệu bằng phần mềm STATA 14.0. Sử dụng thống kê mô tả để mô tả đặc điểm của mẫu nghiên

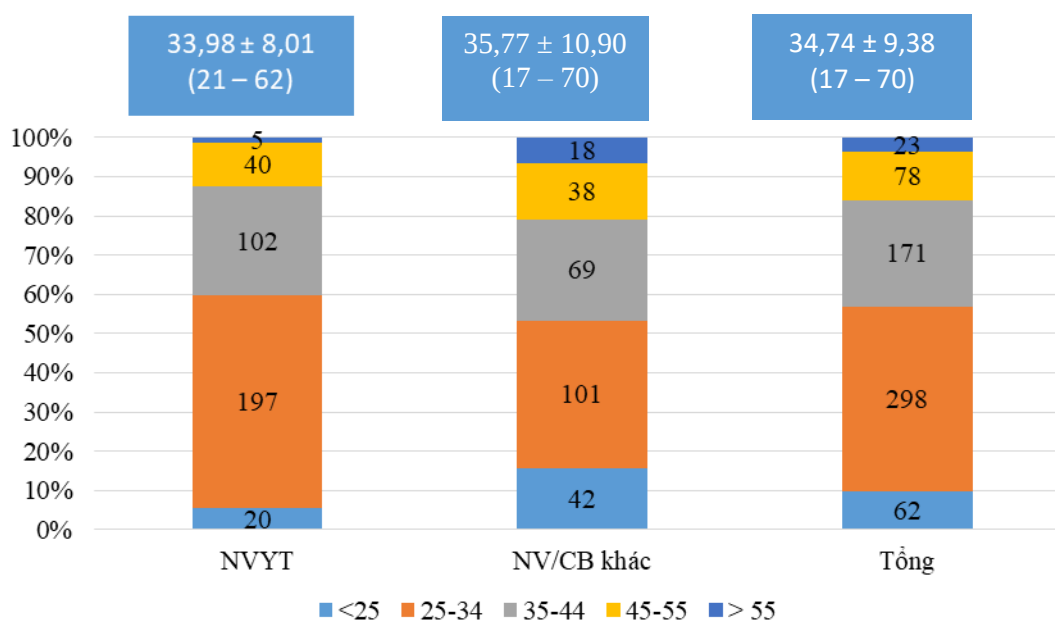
cứ, biến định tính được trình bày dưới dạng số lượng và tỷ lệ; biến định lượng được trình bày dưới dạng $\bar{X} \pm SD$. OR, 95%CI và giá trị p được ước tính sử dụng mô hình hồi quy đơn biến cho các biến về thông tin chung, kiến thức, thái độ về phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn và nguy cơ lây nhiễm COVID-19, có ý nghĩa thống kê với $p < 0.05$.

2.8. Đạo đức nghiên cứu: Khảo sát được tiến hành trên cơ sở người tham gia tự nguyện. Thông tin về đối tượng tham gia được bảo đảm bí mật, chỉ phục vụ cho mục đích khoa học.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Chúng tôi thu thập được tổng số 632 đối tượng tham gia nghiên cứu, trong đó 57,6% nhân viên y tế (NVYT) và 42,4% các nhân viên/cán bộ khác tham gia phòng chống dịch tại sân bay, khu cách ly tại Hà Nội, Bắc Giang và một số tỉnh phía Nam.



Hình 3.1. Phân bố đối tượng nghiên cứu theo nhóm tuổi

Bảng 3.1. Nghề nghiệp của nhóm nhân viên tham gia phòng chống dịch (n=268)

Nghề nghiệp	NV/CB khác	
	n	%
Nhân viên ngoại giao	2	0,75
Lực lượng quân đội	73	27,24
Lực lượng công an	29	10,82
Nhân viên mặt đất sân bay	72	26,87
Giáo viên	29	10,82
Dân quân tự vệ	45	16,79
Khác	18	6,72

Nhận xét: Trong tổng số 268 nhân viên tham gia phòng chống dịch khác có 38% lực lượng quân đội, công an; 26,9% nhân viên sân bay; và 16,8% dân quân tự vệ.

3.2. Mô tả các yếu tố nguy cơ lây nhiễm COVID-19

Bảng 3.2. Tình trạng tiếp xúc với bệnh nhân COVID-19 của đối tượng nghiên cứu

TT	Biến số	NVYT (n=364)		NV/CB khác (n=268)		Tổng (n=632)	
		n	%	n	%	N	%
1	Tiếp xúc BN trong vòng 1m						
	Có	130	35,71	11	4,10	141	22,31
	Không	194	53,30	229	85,45	423	66,93
	Không biết	40	10,99	28	10,45	68	10,76
	Thời gian tiếp xúc trong vòng 1m với bệnh nhân						
	< 5 phút	53	40,77	8	72,73	61	43,26
	5-10 phút	36	27,69	2	18,18	38	26,95
	>15 phút	41	31,54	1	9,09	42	29,79
2	Thực hiện thủ thuật tạo khí dung						
	Có	39	10,71	1	0,37	40	6,33
	Không	308	84,62	198	73,88	506	80,06
	Không biết	17	4,67	69	25,75	86	13,61
3	Tiếp xúc với dịch tiết của BN						
	Có	90	24,73	4	1,49	94	14,87
	Không	251	68,96	239	89,18	490	77,53
	Không biết	23	6,32	25	9,33	48	7,59
4	Tiếp xúc với vật dụng của BN						
	Có	137	37,63	12	4,48	149	23,58
	Không	209	57,42	228	85,07	437	69,15

TT	Biến số	NVYT (n=364)		NV/CB khác (n=268)		Tổng (n=632)	
		n	%	n	%	N	%
	Không biết	18	4,95	28	10,45	46	7,28
5	Tình trạng tiếp xúc						
	Có tiếp xúc	189	51,92	19	7,09	208	32,91
	Không rõ	175	48,08	249	92,91	424	67,09

Nhận xét: Nghiên cứu về tình trạng tiếp xúc với bệnh nhân COVID-19, kết quả cho thấy tỷ lệ tiếp xúc ở đối tượng NVYT (51,9%) cao hơn so với đối tượng khác (7,1%). Trong số 141 người tiếp xúc với bệnh nhân trong vòng 1m có trên 90% là đối tượng NVYT. Thời gian NVYT tiếp xúc với bệnh nhân chiếm tỷ lệ cao nhất là dưới 5

phút (40,8%), tiếp theo là trên 15 phút (31,5%) và 10-15 phút (27,7%). Ngoài ra, NVYT thực hiện một số công việc có nguy cơ lây nhiễm cao từ bệnh nhân như thực hiện tạo khí dung (10,7%); tiếp xúc với dịch tiết của bệnh nhân (24,7%); tiếp xúc với vật dụng của bệnh nhân (37,6%).

Bảng 3.3. Tình trạng tiếp xúc với nhân viên khác tại nơi làm việc của đối tượng nghiên cứu

TT	Biến số	NVYT (n=364)		NV/CB khác (n=268)		Tổng (n=632)	
		N	%	N	%	N	%
1	Đeo khẩu trang khi tiếp xúc với nhân viên khác tại nơi làm việc						
	Không	72	19,78	11	4,10	83	13,13
	Có	286	78,57	237	88,43	523	82,75
	Không biết	6	1,65	20	7,46	26	4,11
2	Ngồi ăn cùng nhân viên khác ở khoảng cách dưới 2m						
	Có	147	40,38	64	23,88	211	33,39
	Không	208	57,14	188	70,15	396	62,66
	Không biết	9	2,47	16	5,97	25	3,96
3	Tuân thủ giãn cách xã hội với nhân viên khác tại nơi làm việc						
	Có	338	92,86	252	94,03	590	93,35
	Không	26	7,14	16	5,97	42	6,65

Nhận xét: Khảo sát phòng ngừa nhiễm khuẩn giữa các nhân viên ở nơi làm việc cho thấy >80% sử dụng khẩu trang khi tiếp xúc với nhân viên khác; >60% tuân thủ khoảng cách 2m khi ngồi ăn cùng nhau và >90% tuân thủ giãn cách xã hội với nhân viên khác tại nơi làm việc.

3.3. Đánh giá nguy cơ lây nhiễm COVID-19 ở đối tượng tham gia phòng chống dịch

Bảng 3.4. Các yếu tố thông tin chung liên quan đến trường hợp nhiễm COVID-19

STT	Biến số	Nhiễm COVID-19 (n=41)	Không nhiễm COVID-19 (n=591)	OR (95%CI)	p
1	Nhóm tuổi				
	<25	2	60	1	-
	25-34	19	279	2,04 (0,46-9,04)	0,3363
	35-44	4	167	0,7 (0,12-4,04)	0,7063
	45-55	16	62	7,7 (1,61-37,22)	0,0025
	> 55	0	23	-	-
2	Nơi làm việc				
	Sân bay	4	99	1	
	Cơ sở cách ly tập trung	17	222	1,89 (0,61-5,79)	0,25
	Cơ sở điều trị BN COVID-19	20	270	1,83 (0,60-5,51)	0,27
3	Nghề nghiệp				
	CB/NV khác	17	251	1	
	NVYT	24	340	1,04 (0,55-1,98)	

Nhận xét: Phân tích các yếu tố thông tin chung liên quan đến các trường hợp nhiễm COVID-19, kết quả cho thấy đối tượng có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm ở độ tuổi >45 (OR=5.6, 95%CI=1.20-26.36, p=0,0025). Ngoài ra, đối tượng là nhân viên y tế và vị trí làm việc tại khu vực cơ sở cách ly và cơ sở điều trị bệnh nhân COVID-19 có tăng nguy cơ mắc bệnh COVID-19 nhưng chưa có ý nghĩa thống kê (p>0,05) có thể lý giải do cỡ mẫu chưa đủ lớn.

Bảng 3.5. Các yếu tố kiến thức về phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn liên quan đến trường hợp nhiễm COVID-19

Nhiễm COVID-19	NVYT (n=364)			NV/CB khác (n=268)			Tổng (n=632)		
	Có (n=24)	Không (n=340)	OR (95%CI) P	Có (n=17)	Không (n=251)	OR (95%CI) P	Có (n=41)	Không (n=591)	OR (95%CI) P
Kiến thức chung về các biện pháp kiểm soát lây nhiễm trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh									
Đầy đủ	10	177	1	6	130	1	16	307	1
Không đầy đủ	14	163	1,52 (0,66-3,53) 0,33	11	121	1,97 (0,70-5,52) 0,19	25	284	1,68 (0,88-3,23) 0,11
Đào tạo về phòng ngừa và KS lây nhiễm COVID-19									
Có	13	254	1	9	132	1	22	386	1
Không	11	86	2,50	8	119	0,99	19	205	1,63

Nhiễm COVID-19	NVYT (n=364)			NV/CB khác (n=268)			Tổng (n=632)		
	Có (n=24)	Không (n=340)	OR (95%CI) P	Có (n=17)	Không (n=251)	OR (95%CI) P	Có (n=41)	Không (n=591)	OR (95%CI) P
			(1,07-5,82) 0,03			(0,37-2,64) 0,98			(0,86-3,08) 0,13
Kiến thức về vệ sinh tay									
Đúng	13	288	1	1	37	1	14	325	1
Sai	11	52	4,69 (1,95-11,24) 0,0001	16	214	2,77 (0,35-21,66) 0,31	27	266	2,36 (1,21-4,60) 0,01
Kiến thức về phòng ngừa chuẩn									
Đúng	1	29	1	0	3	-	1	32	1
Sai	22	285	2,24 (0,29-17,30) 0,43	17	248	-	39	533	2,34 (0,31-17,64) 0,39
Không biết	1	26	1,12 (0,06-19,23) 0,94	0	0	-	1	26	1,23 (0,07-21,15) 0,89

Nhận xét: Phân tích các yếu tố kiến thức về phòng ngừa kiểm soát nhiễm khuẩn liên quan đến các trường hợp nhiễm COVID-19, kết quả cho thấy đối tượng có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm có kiến thức sai về vệ sinh tay (OR=2,36, 95%CI=1,21-4,60, p=0,01). Ngoài ra, việc có kiến thức không đầy đủ về các biện pháp kiểm soát lây nhiễm và phòng ngừa chuẩn, cũng như không được đào tạo về phòng ngừa

và kiểm soát lây nhiễm COVID-19 có tăng nguy cơ mắc bệnh COVID-19 nhưng chưa có ý nghĩa thống kê (p>0,05) có thể lý giải do cỡ mẫu chưa đủ lớn. Riêng với nhóm NVYT, có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm có kiến thức sai về vệ sinh tay (OR=4,69, 95%CI=1,95-11,24, p=0,0001) và không được đào tạo về phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm COVID-19 (OR=2,50, 95%CI=1,07-5,82, p=0,03).

Bảng 3.6. Các yếu tố tiếp xúc với bệnh nhân liên quan đến trường hợp nhiễm COVID-19

S T T	Nhiễm COVID-19	NVYT (n=364)			NV/CB khác (n=268)			Tổng (n=632)		
		Có (n=24)	Không (n=340)	OR (95%CI) P	Có (n=17)	Không (n=251)	OR (95%CI) P	Có (n=41)	Không (n=591)	OR (95%CI) P
1	Tiếp xúc BN trong 1m									
	Không	6	188	1	13	216	1	19	404	1
	Không biết	2	38	1,65 (0,32-8,52) 0,55	2	26	1,28 (0,27-6,00) 0,55	4	64	1,32 (0,43-4,03) 0,61
	Có	16	114	4,40 (1,64-11,77)	2	9	3,69 (0,71-19,12)	18	123	3,11 (1,57-6,16)

S T T	Nhiễm COVID-19	NVYT (n=364)			NV/CB khác (n=268)			Tổng (n=632)		
		Có (n=24)	Không (n=340)	OR (95%CI) P	Có (n=17)	Không (n=251)	OR (95%CI) P	Có (n=41)	Không (n=591)	OR (95%CI) P
				0,001			0,09			0,0006
2	Làm thủ thuật tạo khí dung									
	Không	20	288	1	11	187	1	31	475	1
	Không biết	0	17	-	6	63	1,62 (0,57-4,57) 0,36	6	80	1,14 (0,46-2,84) 0,76
	Có	4	35	1,65 (0,53-5,12) 0,38	0	1	-	4	36	1,70 (0,56-5,09) 0,34
3	Tiếp xúc với dịch cơ thể của BN									
	Không	15	236	1	15	224	1	30	460	1
	Không biết	2	21	1,50 (0,32-7,02) 0,61	2	23	1,30 (0,28-6,06) 0,61	4	44	1,39 (0,46-4,14) 0,76
	Có	7	83	1,33 (0,52-3,37) 0,55	0	4	-	7	87	1,23 (0,52-2,90) 0,34
4	Tiếp xúc với vật dụng của BN									
	Không	12	197	1	12	216	1	24	413	1
	Không biết	2	16	2,05 (0,42-10,04) 0,36	2	26	1,38 (0,29-6,56) 0,68	4	42	1,63 (0,54-4,95) 0,38
	Có	10	127	1,29 (0,54-3,09) 0,56	3	9	6,00 (1,40-25,74) 0,006	13	136	1,64 (0,81-3,33) 0,16

Nhận xét: Phân tích các yếu tố tiếp xúc với bệnh nhân liên quan đến các trường hợp nhiễm COVID-19, kết quả cho thấy đối tượng có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm tiếp xúc với bệnh nhân trong vòng 1m (OR=3.1, 95%CI=1.57-6.16, p=0,0006). Ngoài ra, một số công việc có nguy cơ cao khác như thực hiện thủ thuật tạo khí dung, tiếp xúc dịch tiết, vật dụng và môi trường xung quanh bệnh nhân có tăng nguy cơ mắc bệnh COVID-19 nhưng chưa có

ý nghĩa thống kê (p>0,05) có thể lý giải do cỡ mẫu chưa đủ lớn. Với nhóm NVYT có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm tiếp xúc với bệnh nhân trong vòng 1m (OR=4,40, 95%CI=1,64-11,77, p=0,001), trong khi nhóm các nhân viên phòng chống dịch khác lại có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm tiếp xúc với vật dụng của bệnh nhân (OR=6,00; 95%CI=1,40-25,74; p=0,006).

IV. BÀN LUẬN

Nhân viên y tế và nhân viên khác tham gia phòng chống dịch COVID -19 có nguy cơ lây nhiễm bệnh. Các yếu tố nguy cơ lây nhiễm bệnh COVID-19 ở nhân viên y tế và người tham gia phòng chống dịch được thể hiện:

4.1. Kiến thức, thái độ, thực hành phòng ngừa chuẩn, kiểm soát nhiễm khuẩn và các yếu tố nguy cơ lây nhiễm COVID-19

Chỉ có 50% đối tượng nghiên cứu có đầy đủ kiến thức chung về các biện pháp kiểm soát lây nhiễm trong cơ sở khám, chữa bệnh. Trong đó, có 64,4% được đào tạo về phòng ngừa chuẩn nhưng chỉ có 5,22% đối tượng trả lời đúng kiến thức về phòng ngừa chuẩn.

99,6% đối tượng tuân thủ tuyệt đối, hoặc thường xuyên thực hiện theo hướng dẫn về sinh tay; 98,4% tuân thủ tuyệt đối, hoặc thường xuyên thực hiện các biện pháp phòng ngừa chuẩn; 91,6% đối tượng thường xuyên sử dụng phương tiện phòng hộ cá nhân.

Tỷ lệ tiếp xúc với bệnh nhân COVID-19 ở đối tượng NVYT (51,9%) cao hơn so với đối tượng khác (7,1%). NVYT thực hiện một số công việc có nguy cơ lây nhiễm cao từ bệnh nhân như thực hiện tạo khí dung (10,7%); tiếp xúc với dịch tiết của bệnh nhân (24,7%); tiếp xúc với vật dụng của bệnh nhân (37,6%).

4.2. Đánh giá nguy cơ lây nhiễm COVID-19 ở đối tượng tham gia phòng chống dịch

Nhóm có kiến thức sai về vệ sinh tay có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê (OR=2,36, 95%CI=1,21-4,60, p=0,01).

Nhóm tiếp xúc với bệnh nhân trong vòng 1m có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê (OR=3.1, 95%CI=1.57-6.16, p=0,0006).

NVYT có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm có kiến thức sai về vệ

sinh tay, không được đào tạo về phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm COVID-19. Nhóm các nhân viên phòng chống dịch có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm tiếp xúc với vật dụng của bệnh nhân.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ nguy cơ lây nhiễm COVID-19 ở nhóm Nhân viên y tế cao hơn so với nhóm đối tượng khác tham gia vào công tác phòng chống dịch, do nhóm NVYT có tỷ lệ tiếp xúc nhiều hơn và thực hiện những thủ thuật y khoa có tiếp xúc với dịch tiết hoặc giọt bắn của bệnh nhân nhiễm COVID-19. Hầu hết các đối tượng ở cả 2 nhóm đều đã được tham gia tập huấn kiến thức về phòng ngừa COVID-19 nói chung, nhưng chỉ có một số ít trả lời đúng khi được kiểm tra về các câu hỏi lượng giá kiến thức (5,22%). NVYT có nguy cơ mắc bệnh cao hơn nằm ở nhóm có kiến thức sai về vệ sinh tay, tiếp xúc với bệnh nhân trong vòng 1m và không được đào tạo về phòng ngừa và kiểm soát lây nhiễm COVID-19. Nhóm các nhân viên phòng chống dịch có nguy cơ mắc bệnh cao hơn có ý nghĩa thống kê ở nhóm tiếp xúc với vật dụng của bệnh nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Thông Tin Cơ Bản Về COVID-19** | CDC. <https://vietnamese.cdc.gov/coronavirus/2019-ncov/your-health/about-covid-19/basics-covid-19.html>, accessed: 03/13/2022.
2. **WHO (2020).** Virus corona: WHO tuyên bố tình trạng y tế khẩn cấp toàn cầu. RFI, <https://www.rfi.fr/vi/ch%C3%A2u-%C3%A1/20200131-virus-corona-who-y-t%E1%BA%BF-kh%E1%BA%A9n-c%E1%BA%A5p-to%C3%A0n-c%E1%BA%A7u>, accessed: 03/13/2022.
3. <https://hcdc.vn/hoidap/index/chitiet/c9db8e0767c76de903c8aa3215d18260>, accessed: 03/13/2022.